

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 5 – 2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Phú;

2/ Ông Nguyễn Quốc Thanh;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bé N, sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ 04, ấp VB, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Khu phố PH, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1993; địa chỉ: Tổ 13, ấp VL, xã VL1, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà N có đơn xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà N trình bày: Hôn nhân giữa bà với ông Nguyễn Vũ L do tự tìm hiểu yêu thương, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/HT, quyển số 01/2013 vào ngày 07/6/2013. Sau khi kết hôn bà và ông L lên Bình Dương sinh sống và làm việc, ông L sửa xe còn bà làm việc tại công ty may Xuân Việt Hà, cuộc sống vừa đủ. Thời gian sau ông L thay đổi cách sống, vô trách nhiệm, không lo cho gia đình, thường xuyên ăn nhậu, chơi bời và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, bà có khuyên ngăn nhưng không nghe, từ đó làm cho niềm tin của bà đối với ông L không còn nữa và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 02/11/2013, cháu hiện nay đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông L theo quy định nhưng ông vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của ông L, Tòa án có đến nhà của ông để ghi nhận ý kiến nhưng không gặp nên không thể ghi nhận ý kiến của ông.

Tại biên bản ngày 17/3/2021 được cháu Nguyễn Thị Thảo V khai: Hiện nay cháu đang sống với mẹ (N), cuộc sống của cháu rất tốt và được ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác, nay mẹ cháu (N) xin ly hôn với cha cháu (L), cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 31/3/2021 được công an xã VL1 cho biết hiện ông Nguyễn Vũ L vẫn còn đăng ký thường trú tại xã VL1 theo tàng thư công an đang lưu giữ. Hiện ông L đã đi làm thuê, cũng có về địa phương.

Tại phiên tòa, bà N có đơn xin vắng mặt, vẫn bảo lưu ý kiến. Riêng ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa bà N và ông L có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 02/11/2013, hiện nay đang sống với bà N. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bà N và cháu V nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu V lại cho bà N được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Bé N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Vũ L. Đồng thời, ông L có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Bà N và ông L có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà N ly hôn với ông L thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đồng quan điểm sống, ông L không chăm lo cho gia đình, cả hai người đã không còn chung sống từ năm 2016 cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn tình cảm gia đình. Tại các buổi hoà giải, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L, không đồng ý đoàn tụ. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 02/11/2013 đang sống với bà N. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bà N và cháu V nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V lại cho bà N được tiếp tục nuôi dạy.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Bé N được ly hôn với ông Nguyễn Vũ L.
- Về con chung: Bà N được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 02/11/2013.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0006964 ngày 24/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48/HT cấp ngày 07/6/2013, quyển số 01/2013 của Ủy ban nhân dân xã VH không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- UBND xã VH (1);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện AP (1);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Quang Bảo